

NĂNG LỰC CỦA GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Nguyễn Chí Thanh

Trường Cán bộ Quản lý giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh

Email: ncthanh@iemh.edu.vn

Tóm tắt: Trong bối cảnh Chương trình Giáo dục Phổ thông (GDPT) 2018 đang được triển khai, năng lực của giáo viên chủ nhiệm trường trung học cơ sở đóng vai trò then chốt. Nghiên cứu đã phân tích lý luận và khảo sát thực tiễn, làm rõ khái niệm, cấu trúc và các năng lực cốt lõi cần có ở giáo viên chủ nhiệm. Kết quả cho thấy, năng lực này không chỉ dừng lại ở chuyên môn và quản lý lớp học, mà còn bao gồm sự am hiểu tâm lý lứa tuổi học sinh trung học cơ sở, kỹ năng giao tiếp - phối hợp giáo dục, xây dựng tập thể lớp, ứng dụng công nghệ số và phát triển nghề nghiệp bản thân. Những năng lực này giúp giáo viên chủ nhiệm thực hiện hiệu quả vai trò quản lý, giáo dục, đồng hành cùng học sinh, đồng thời đáp ứng yêu cầu đổi mới của giáo dục phổ thông. Việc xây dựng khung năng lực chuẩn cho giáo viên chủ nhiệm trường trung học cơ sở theo tiếp cận năng lực là cơ sở khoa học quan trọng để thiết kế các chương trình bồi dưỡng, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện tại các trường trung học cơ sở.

Từ khóa: giáo viên chủ nhiệm, năng lực giáo viên, trung học cơ sở, Chương trình GDPT 2018.

COMPETENCIES OF HOMEROOM TEACHERS IN LOWER SECONDARY SCHOOLS TO MEET THE REQUIREMENTS OF THE GENERAL EDUCATION PROGRAM

Nguyen Chi Thanh

Institute for Educational Managers of Ho Chi Minh City

Email: ncthanh@iemh.edu.vn

Abstract: In the context of the implementation of the 2018 General Education Program (GEP), the competencies of homeroom teachers in lower secondary schools play a pivotal role. This study analyzes theoretical foundations and practical surveys to clarify the concept, structure, and core competencies required of homeroom teachers. The findings indicate that these competencies extend beyond subject expertise and classroom management to include an understanding of adolescent psychology, communication and educational coordination skills, class community building, digital technology application, and professional development. Such competencies enable homeroom teachers to effectively fulfill their roles in management, education, and student support, while also meeting the innovation requirements of general education. Developing a competency framework for lower secondary homeroom teachers based on a competency-based approach provides a crucial scientific foundation for designing training programs, thereby contributing to the enhancement of comprehensive education quality in lower secondary schools.

Keywords: homeroom teacher, teacher competencies, lower secondary school, 2018 General Education Program.

Nhận bài: 13/08/2025

Phản biện: 06/09/2025

Duyệt đăng: 10/09/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chương trình Giáo dục phổ thông (GDPT) 2018 đánh dấu bước chuyển quan trọng của giáo dục Việt Nam, từ tiếp cận nội dung sang phát triển phẩm chất và năng lực học sinh. Trong bối cảnh đó, giáo viên chủ nhiệm (GVCN) trường trung học cơ sở (THCS) giữ vai trò then chốt, vừa quản lý lớp học, vừa là cầu nối phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội để hỗ trợ sự phát triển toàn diện của học sinh. Nhiệm vụ này đòi hỏi GVCN phải có hệ thống năng lực đặc thù, bao gồm phẩm chất đạo đức – chính trị, năng lực quản lý và giáo dục học sinh, năng lực xây dựng tập thể lớp, năng lực tư vấn tâm lý, cùng khả năng ứng dụng công nghệ thông tin, ngoại ngữ và tự bồi dưỡng nghề nghiệp. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy đội ngũ GVCN THCS hiện nay vẫn còn nhiều hạn chế. Một số giáo viên tuy giỏi chuyên môn nhưng thiếu kỹ năng quản lý lớp học, tư vấn tâm lý học đường,

giáo dục kỹ năng sống và giá trị. Các chương trình bồi dưỡng chưa gắn chặt với thực tiễn, còn nặng về lý thuyết, thiếu quy trình chuẩn hóa và áp dụng chưa triệt để mô hình PDCA. Trong bối cảnh phân quyền, phân cấp quản lý giáo dục theo các văn bản mới của Chính phủ và Bộ GD&ĐT, yêu cầu nâng cao năng lực GVCN càng trở nên cấp thiết. Nghiên cứu về năng lực GVCN đáp ứng yêu cầu GDPT 2018 vừa mang ý nghĩa lý luận, vừa có giá trị thực tiễn, góp phần xác lập khung năng lực, định hướng bồi dưỡng và giải pháp quản lý, từ đó nâng cao chất lượng đội ngũ và hiệu quả giáo dục ở trường phổ thông.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Khái niệm về GVCN

Giáo viên chủ nhiệm là một vị trí đặc thù trong đội ngũ nhà giáo ở trường phổ thông. Theo Từ điển Giáo dục học, GVCN được định nghĩa là

“nhà giáo được giao trách nhiệm tổ chức, quản lý, giáo dục một lớp học sinh ngoài những giờ lên lớp của giáo viên bộ môn” (Bùi Hiền, 2001, tr.170). Tương tự, Hà Nhật Thăng và cộng sự (2001) cho rằng GVCN “là nhà giáo được giao trách nhiệm tổ chức, quản lý, giáo dục một lớp học sinh ngoài những giờ lên lớp của các giáo viên bộ môn trong các trường trung học phổ thông, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề” (tr.36). Lưu Hồng Uyên lại nhấn mạnh, GVCN chính là “một nhà quản lý không có dấu đỏ”, người chịu trách nhiệm toàn diện trước hiệu trưởng về tình hình học tập và rèn luyện của học sinh lớp mình phụ trách.

Ở bậc trung học cơ sở, GVCN không chỉ thực hiện chức năng quản lý lớp học ở mức hành chính, mà còn đóng vai trò định hướng, hỗ trợ và phát triển toàn diện học sinh trong giai đoạn chuyển tiếp từ tuổi thiếu niên sang thanh thiếu niên. Họ vừa là người tổ chức các hoạt động giáo dục, vừa là cầu nối giữa gia đình, nhà trường và xã hội, đồng thời cũng là tấm gương và là chỗ dựa tinh thần quan trọng cho học sinh.

2.2. Khái niệm về giáo viên chủ nhiệm lớp

Giáo viên chủ nhiệm lớp là một vị trí đặc thù trong hệ thống giáo dục phổ thông, đóng vai trò then chốt trong việc quản lý và giáo dục toàn diện học sinh. Theo Từ điển Giáo dục học, GVCN được định nghĩa là “nhà giáo được giao trách nhiệm tổ chức, quản lý, giáo dục một lớp học sinh ngoài những giờ lên lớp của giáo viên bộ môn” (Bùi Hiền, 2001, tr.170). Định nghĩa này đã nhấn mạnh tính chất kiêm nhiệm và phạm vi trách nhiệm của GVCN.

Hà Nhật Thăng và cộng sự (2001) mở rộng khái niệm này khi cho rằng GVCN là “nhà giáo được giao trách nhiệm tổ chức quản lý, giáo dục một lớp học sinh ngoài những giờ lên lớp của các giáo viên bộ môn trong các trường trung học phổ thông, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề” (tr.36). Ở góc độ quản lý, Lưu Hồng Uyên (2016) lại nhấn mạnh GVCN chính là “một nhà quản lý không có dấu đỏ”, người chịu trách nhiệm toàn diện trước hiệu trưởng về tình hình học tập và rèn luyện của học sinh lớp mình phụ trách.

Trong bối cảnh giáo dục hiện đại, đặc biệt ở

bậc THCS, vai trò của GVCN không còn bó hẹp trong phạm vi quản lý hành chính thuần túy mà đã mở rộng thành một nhà giáo dục toàn diện. Họ trở thành người định hướng, hỗ trợ và đồng hành cùng học sinh trong giai đoạn chuyển tiếp quan trọng từ tuổi thiếu niên sang thanh thiếu niên - giai đoạn có nhiều biến đổi phức tạp về tâm sinh lý (Nguyễn Việt Hùng & Hà Thế Truyền, 2013). Vai trò của GVCN trong giai đoạn này bao gồm: người tổ chức các hoạt động giáo dục, cầu nối giữa gia đình - nhà trường - xã hội, nhà tư vấn tâm lý, và là tấm gương đạo đức cho học sinh noi theo. Xuất phát từ cơ sở trên, tác giả cho rằng “GVCN trường THCS là người GV được giao trách nhiệm tổ chức, quản lý, giáo dục HS ở trường THCS, là người giữ mối liên hệ thường xuyên giữa Ban Giám hiệu với HS, chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về tình hình học tập, rèn luyện, giáo dục của HS ở một lớp học, đồng thời là người đảm bảo sự thống nhất và kết nối chặt chẽ giữa GV bộ môn và các lực lượng giáo dục HS trong và ngoài nhà trường THCS nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện HS”.

2.3. Khái niệm về năng lực giáo viên chủ nhiệm trường trung học cơ sở

Trong bối cảnh triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, năng lực giáo viên chủ nhiệm (GVCN) được tiếp cận như một hệ thống tích hợp phẩm chất, tri thức, kỹ năng và giá trị nghề nghiệp nhằm thực hiện hiệu quả chức năng chủ nhiệm lớp, bảo đảm sự phát triển toàn diện của học sinh. Theo Nguyễn Chí Thanh (2025), năng lực GVCN trường THCS bao gồm bảy thành tố cốt lõi. Thứ nhất là phẩm chất đạo đức, chính trị và lối sống với tính trung thực, trách nhiệm, tinh thần yêu thương và tôn trọng học sinh. Thứ hai là năng lực tìm hiểu đối tượng và môi trường giáo dục, giúp nắm bắt đặc điểm tâm lý, gia đình và xã hội của học sinh để áp dụng biện pháp phù hợp. Thứ ba là năng lực dạy học và giáo dục học sinh, thông qua việc tổ chức học tập, rèn luyện và định hướng phát triển phẩm chất, năng lực. Thứ tư là năng lực xây dựng tập thể lớp tự quản, tạo cộng đồng đoàn kết, thân thiện, có kỷ luật. Thứ năm là năng lực phối hợp các lực lượng giáo dục với phụ huynh, giáo viên bộ môn và tổ chức đoàn thể. Thứ sáu là năng

lực ứng dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ, đáp ứng yêu cầu số hóa và hội nhập. Thứ bảy là năng lực phát triển nghề nghiệp liên tục qua tự học và thích ứng đổi mới. Như vậy, năng lực GVCN trường THCS vừa mang tính đặc thù của công tác chủ nhiệm, vừa có tính tổng hợp, tạo nên hệ thống năng lực động, mở và phát triển, là nền tảng để giáo viên thực hiện sứ mệnh quản lý, giáo dục và đồng hành cùng sự phát triển của học sinh.

2.4. Những năng lực cơ bản cần có của GVCN trường THCS

Trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông, đặc biệt là yêu cầu của Chương trình GDPT 2018, năng lực của GVCN trường trung học cơ sở cần được tiếp cận như một cấu trúc tổng hợp, đa chiều, bao gồm cả năng lực chung của nghề dạy học và năng lực đặc thù của công tác chủ nhiệm lớp. Trên cơ sở phân tích lý luận và thực tiễn, có thể khái quát cấu trúc năng lực GVCN theo các nhóm năng lực sau:

2.4.1. Năng lực chuyên môn và hiểu biết tâm lý lứa tuổi

Để thực hiện hiệu quả công tác chủ nhiệm, giáo viên cần có nền tảng vững chắc về tri thức chuyên ngành và khoa học giáo dục. Đặc biệt, sự am hiểu sâu sắc về đặc điểm tâm lý học sinh trung học cơ sở là chìa khóa để tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp. Học sinh ở độ tuổi 11–15 trải qua những biến đổi mạnh mẽ về thể chất và tâm sinh lý, dễ rơi vào trạng thái tự ti hoặc quá tự tin. Về nhận thức, các em bắt đầu hình thành tư duy logic và khả năng phản biện nhưng còn hạn chế về kinh nghiệm sống. Về tình cảm, các em đề cao tình bạn, khẳng định cái tôi và chịu tác động mạnh từ tập thể. Vì vậy, giáo viên chủ nhiệm (GVCN) cần vận dụng kiến thức tâm lý, giáo dục học và xã hội học để nhận diện nhu cầu, thiết kế kế hoạch giáo dục toàn diện, chú trọng kỹ năng sống, quản lý cảm xúc và hợp tác, đồng thời gắn kết chặt chẽ giữa dạy học bộ môn và công tác chủ nhiệm theo định hướng Chương trình GDPT 2018.

2.4.2. Năng lực quản lý và tổ chức lớp học

Năng lực quản lý thể hiện ở việc GVCN xây dựng kế hoạch chủ nhiệm lớp với mục tiêu, nội

dung, phương pháp và tiêu chí đánh giá rõ ràng, phù hợp đặc điểm lớp và yêu cầu chung. GVCN cần biết tổ chức đa dạng hoạt động tập thể, trải nghiệm sáng tạo và hướng nghiệp nhằm khuyến khích sự chủ động, tinh thần hợp tác. Đồng thời, quản lý nề nếp và kỷ luật lớp học cũng là yếu tố cốt lõi, hướng tới môi trường học tập dân chủ, thân thiện, an toàn và kỷ cương, nơi học sinh được tôn trọng và có động lực phát triển.

2.4.3. Năng lực giao tiếp và phối hợp các lực lượng giáo dục

GVCN là cầu nối giữa học sinh, phụ huynh, giáo viên bộ môn, tổ chức Đoàn – Đội và cộng đồng. Năng lực này yêu cầu kỹ năng giao tiếp sư phạm mẫu mực: lắng nghe, chia sẻ, động viên và khích lệ học sinh. Đồng thời, GVCN cần biết vận dụng kỹ năng tham vấn, tư vấn để giải quyết mâu thuẫn, hỗ trợ tâm lý, định hướng hành vi. Trong bối cảnh hiện nay, phối hợp hiệu quả giữa nhà trường – gia đình – xã hội chính là điều kiện quan trọng để nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện.

2.4.4. Năng lực xây dựng và phát triển tập thể lớp tự quản

Năng lực này thể hiện qua khả năng tổ chức, xây dựng tập thể lớp thành một cộng đồng học tập đoàn kết, dân chủ và có khả năng tự quản cao. GVCN cần biết phát huy tinh thần tập thể, tạo dựng bầu không khí tâm lý lành mạnh, cởi mở và tôn trọng lẫn nhau. Thông qua việc tổ chức các hoạt động nhóm, hoạt động tập thể, GVCN giúp học sinh rèn luyện năng lực hợp tác, kỹ năng lãnh đạo và ý thức trách nhiệm xã hội. Đồng thời, GVCN cần biết phát hiện, bồi dưỡng các nhân tố tích cực; quan tâm, giúp đỡ kịp thời những học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có nguy cơ bỏ học hoặc gặp vấn đề về hành vi.

2.4.5. Năng lực ứng dụng công nghệ số và đổi mới sáng tạo

Trong bối cảnh chuyển đổi số toàn cầu, do đó GVCN cần thành thạo trong việc sử dụng các công cụ quản lý lớp học trên nền tảng số, ứng dụng mạng xã hội và hệ thống quản lý học tập (LMS) để kết nối, tương tác với phụ huynh và học sinh một cách hiệu quả (Syofianti Engreini, 2018). Hơn nữa, năng lực này còn bao gồm khả năng triển khai các sáng kiến, mô hình giáo dục mới như lớp

học số, lớp học trải nghiệm, lớp học kết nối nhằm nâng cao hiệu quả công tác chủ nhiệm. Chính vì vậy, GVCN cần có khả năng thích ứng linh hoạt với các tình huống giáo dục trong bối cảnh số hóa và hội nhập quốc tế.

2.4.6. Năng lực giáo dục đạo đức và phát triển phẩm chất học sinh

Theo yêu cầu của Chương trình Giáo dục Phổ thông 2018, GVCN cần trang bị năng lực giáo dục đạo đức và lối sống, qua đó giúp học sinh hình thành và phát triển các phẩm chất chủ yếu như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm. Năng lực này được thể hiện rõ nét khi GVCN có khả năng lồng ghép hiệu quả các nội dung giáo dục đạo đức, giáo dục địa phương và giáo dục giá trị sống vào các hoạt động học tập cũng như sinh hoạt tập thể. Đồng thời, GVCN cần chủ động xây dựng và triển khai các chuyên đề giáo dục đạo đức phù hợp với lứa tuổi học sinh trung học cơ sở. Bên cạnh đó, việc phối hợp chặt chẽ với gia đình và cộng đồng trong công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh cũng là một biểu hiện quan trọng của năng lực này.

2.4.7. Năng lực phát triển nghề nghiệp và tư bồi dưỡng

Theo quy định tại Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT, GVCN được yêu cầu phải có năng lực tự đánh giá bản thân theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên và chuẩn năng lực GVCN. Cụ thể, năng lực này thể hiện qua khả năng tự học, tự nghiên cứu một cách chủ động; tham gia tích cực vào các khóa bồi dưỡng chuyên môn, nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng, và chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm với đồng nghiệp cả trong và ngoài trường. Hơn nữa, GVCN cần xây dựng kế hoạch phát triển nghề nghiệp cá nhân, liên kết chặt chẽ với yêu cầu đổi mới của Chương trình Giáo dục Phổ thông, nhằm đảm bảo sự thích ứng lâu dài trước những thay đổi không ngừng của bối cảnh giáo dục (UNESCO, 1998; Kerka, 2001).

2.4.8. Năng lực nghiên cứu khoa học và giải quyết vấn đề giáo dục

Giáo viên chủ nhiệm cần sở hữu năng lực phát hiện, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn công tác chủ nhiệm. Nhờ đó,

GVCN có thể không ngừng đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục, từ đó góp phần nâng cao chất lượng công tác chủ nhiệm lớp. Cụ thể, GVCN nên vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục để phân tích, đánh giá thực trạng công tác, từ đó đề xuất các giải pháp giáo dục hiệu quả (Paprock, 1996; Trần Đăng Khởi, 2020).

Nhìn chung, hệ thống năng lực này tạo thành một chỉnh thể thống nhất, có mối quan hệ biện chứng, hỗ trợ và bổ sung lẫn nhau, giúp GVCN trường THCS thực hiện hiệu quả vai trò và nhiệm vụ của mình trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.

III. KẾT LUẬN

Trong bối cảnh thực hiện đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục phổ thông, đặc biệt là với sự triển khai Chương trình Giáo dục Phổ thông 2018, vai trò và năng lực của GVCN) tại các trường THCS ngày càng được khẳng định tầm quan trọng. Cụ thể, năng lực của GVCN không chỉ dừng lại ở tri thức chuyên môn và kỹ năng quản lý lớp học truyền thống, mà đã mở rộng ra một hệ thống các năng lực phức hợp. Hệ thống này bao gồm phẩm chất đạo đức - nghề nghiệp, năng lực tổ chức - quản lý, năng lực tư vấn tâm lý, năng lực phối hợp hiệu quả với gia đình và xã hội, cùng với khả năng ứng dụng công nghệ số và liên tục phát triển nghề nghiệp.

Việc xác định rõ cấu trúc và các năng lực cốt lõi mà GVCN cần có theo yêu cầu của Chương trình Giáo dục Phổ thông 2018 sẽ tạo cơ sở khoa học vững chắc cho công tác quản lý, đánh giá và bồi dưỡng đội ngũ GVCN. Kết quả nghiên cứu này đóng góp vào việc định hướng xây dựng một khung năng lực chuẩn, từ đó làm nền tảng để thiết kế các chương trình bồi dưỡng theo phương pháp tiếp cận năng lực, đảm bảo sự đồng bộ, hiệu quả và sát với thực tiễn giáo dục hiện nay.

Đồng thời, các giải pháp quản lý và chính sách phát triển đội ngũ GVCN cần được triển khai gắn liền với cơ chế phân quyền và phân cấp quản lý giáo dục mới. Mục tiêu của việc này là nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện tại các trường THCS, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp giáo dục nước nhà.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009). *Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21/10/2009 về việc ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông*, Hà Nội.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông*, Hà Nội.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021). *Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 về đánh giá và xếp loại học sinh trung học cơ sở*, Hà Nội.
- Bùi Hiền (chủ biên) (2001). *Từ điển Giáo dục học*. Nhà xuất bản Từ điển Bách khoa Hà Nội.
- Edi, R., Pratama, D., & Wijaya, R. (2023). "Competency-based teacher training in the context of educational quality improvement". *Journal of Education and Practice*, 14(1).
- Engreini, S. (2018). "Professional development of teachers: Competency-based approach". *International Journal of Education and Learning*, 7(2).
- Hà Nhật Thăng, Nguyễn Hữu Dũng, Phan Ngọc Liên (2001). *Giáo viên chủ nhiệm trong nhà trường phổ thông*. Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
- Hà Văn Hải (2014). *Quản lý hoạt động của giáo viên chủ nhiệm ở các trường trung học phổ thông thành phố Hà Nội*. Luận án Tiến sĩ Quản lý giáo dục, Học viện Quản lý Giáo dục.
- Hà Văn Hải (2018). "Phát triển năng lực cho giáo viên chủ nhiệm trong bối cảnh hiện nay". *Tạp chí Giáo dục*, Số đặc biệt.
- Harold, S. & Heinz, G. (1992). *Educational administration: A comparative view*. New York: Routledge.
- Kerka, S. (2001). *Competency-based education and training*. ERIC Digest, Columbus, OHIO.
- Lee, Sang-Chul (2015). "The relationship between principal's leadership and teacher's professional learning in school: The mediating role of teacher's self-efficacy". *Journal of Educational Studies*, 46(3).
- Lưu Hồng Uyên (2016). "Giáo viên chủ nhiệm lớp trường THCS trước yêu cầu đổi mới giáo dục". *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, 135, 23-26.
- Lưu Hồng Uyên & Phạm Minh Hùng (2019). "Giải pháp phát triển đội ngũ giáo viên chủ nhiệm lớp trường THCS theo hướng tiếp cận năng lực". *Tạp chí Khoa học, Trường ĐH Vinh*, 48(1B), 61-70.
- Mạc Văn Trang (2016). "Những năng lực cần có của giáo viên chủ nhiệm lớp đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục". *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, 126, 4-6.
- Nguyễn Chí Thanh (2025). *Quản lý bồi dưỡng giáo viên chủ nhiệm lớp ở các trường Trung học cơ sở Thành phố Hồ Chí Minh theo tiếp cận năng lực*. Luận án Tiến sĩ Khoa học Quản lý Giáo dục.
- Nguyễn Nam Phương, Vũ Thị Mai Hương & Trần Thị Cẩm Tú (2022). *Rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục trong đào tạo giáo viên*. Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
- Nguyễn Quốc Chí & Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2005). *Đại cương về khoa học quản lý*. Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nguyễn Thị Hiền & Trần Văn Trung (2023). "Ứng dụng mô hình PDCA trong quản lý hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ tại các trường mầm non". *Tạp chí Giáo dục*, 23(6).
- Nguyễn Tiến Phúc (2015). *Quản lý hoạt động giáo viên chủ nhiệm tại trường Trung học phổ thông Nguyễn Bình Khiêm, tỉnh Vĩnh Long*. Luận văn Thạc sĩ Quản lý giáo dục, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Việt Hùng & Hà Thế Truyền (2013). *Tăng cường năng lực làm công tác giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường THPT (Tài liệu bồi dưỡng phát triển năng lực nghề nghiệp GV, Mô đun 31, 32, 33)*. Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
- Paprock, K. E. (1996). "Conceptual structure to develop adaptive competencies in professional". *IPN Ciencia Arte: Cultura Nueva Epoca*, 2(8).
- Phạm Đào Tiên, Trần Thị Hào & Trần Minh Trí (2016). "Bồi dưỡng giáo viên chủ nhiệm lớp đáp ứng yêu cầu đổi mới GDPT hiện nay". *Tạp chí Khoa học Quản lý Giáo dục*, 4(12).
- Rifaty Nizhomy & Daharnis (2022). "The role of homeroom teacher in Guidance and Counseling services at school". *Jurnal Neo Konseling*, 4(2), 1-6.
- Syofianti Engreini (2018). "Professional development of teachers: Competency-based approach". *International Journal of Education and Learning*, 7(2).
- Trần Đăng Khởi (2020). *Quản lý hoạt động bồi dưỡng GV THCS theo tiếp cận năng lực*. Luận án Tiến sĩ Khoa học Giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
- UNESCO (1998). *Teacher and teaching in a changing world*. Paris: UNESCO.